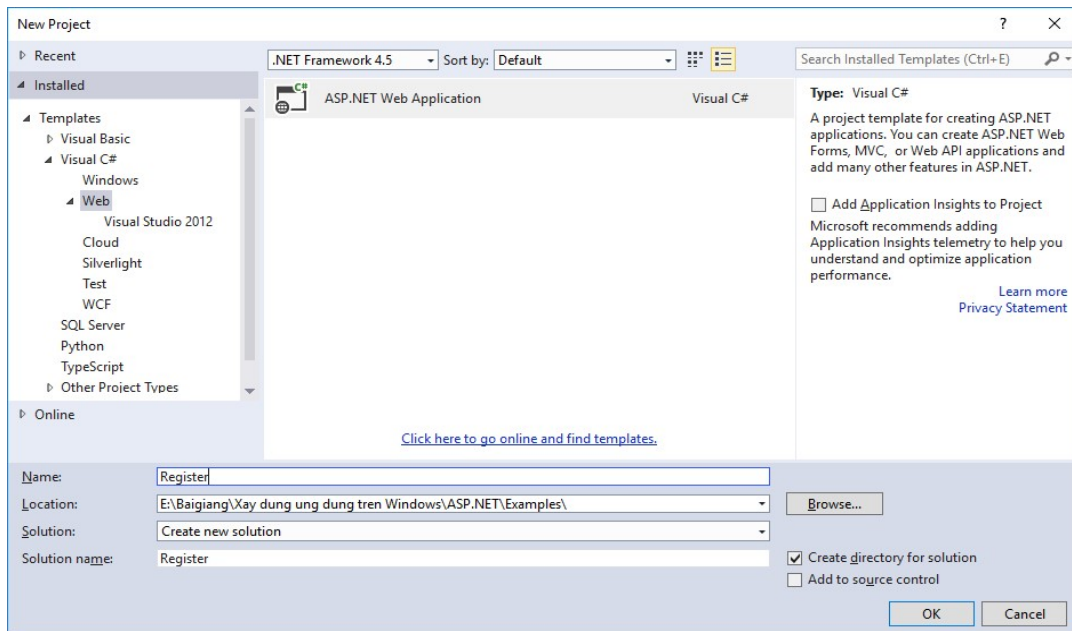


Lab 9**ASP.NET CƠ BẢN**

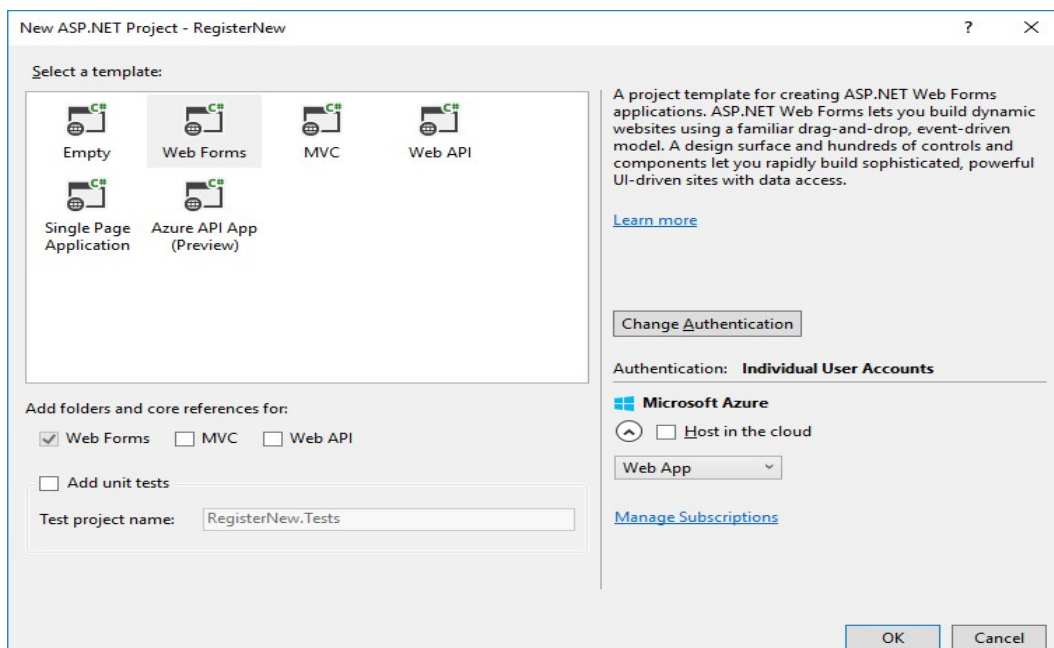
Bài 1: ASP.NET Web Control. Ở bài tập này ta sẽ làm quen với tạo ứng dụng ASP.NET với Visual Studio. Phiên bản phần mềm sử dụng để minh họa cho các ví dụ trong phần này là Microsoft Visual Studio Express 2013 for Web. Trên các phiên bản khác các thao tác là tương tự.

Tạo dự án mới: Templates/Visual C#/Web; chọn ASP.NET Web Application; lựa chọn nơi để lưu dự án (Location); đặt tên dự án là Register.



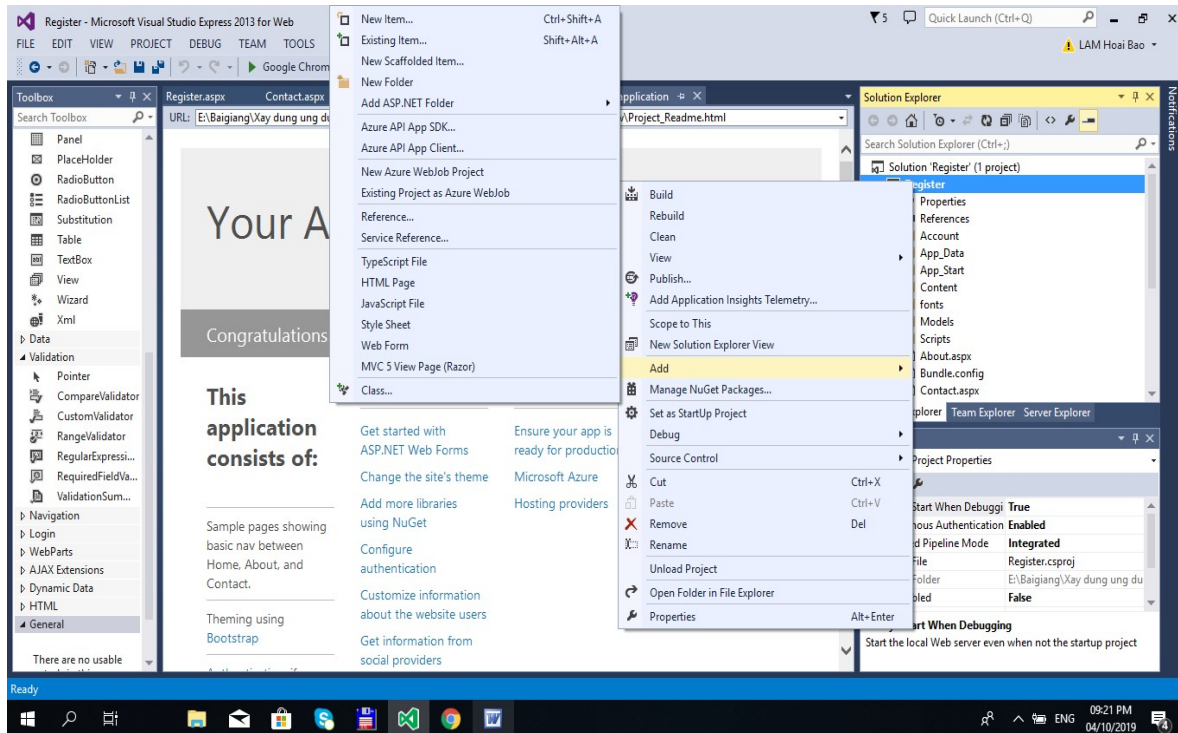
Hình 9.1: Tạo dự án ASP.NET.

Chọn Template của dự án là Web Forms.



Hình 9.2: Template của dự án.

Click chuột phải trên dự án Register của sổ Solution Explorer, thêm một trang ASP vào dự án: Chọn Add/Web Form



Hình 9.3: Thêm mới 1 trang ASP vào dự án.

Đặt tên trang ASP mới thêm vào là FillingForm. Chuyển sang tab Design của FillingForm, thiết kế giao diện đăng ký thông tin cá nhân bằng cách sử dụng ASP.NET controls như sau:

Đăng ký khách hàng	
Thông tin đăng nhập	
Tên đăng nhập	<input type="text"/>
Mật khẩu	<input type="password"/>
Nhập lại mật khẩu	<input type="password"/>
Chi tiết	
Họ tên khách hàng	<input type="text"/>
Ngày sinh	<input type="text"/>
Giới tính	<input type="radio"/> Nam <input type="radio"/> Nữ
Email	<input type="text"/>
Thu nhập	<input type="text"/>
<input type="button" value="Đăng ký"/>	
<div>[lblThongBao]</div> <div>Danh sách các lỗi</div> <ul style="list-style-type: none"> Error message 1. Error message 2. 	

Hình 9.4: Đăng ký thông tin khách hàng.

Thuộc tính của các controls được cho trong bảng sau:

ASP.NET controls	Thuộc tính	Giá trị
Textbox	ID	txtTenDN
Textbox	ID TextMode	txtMK Password
Textbox	ID TextMode	txtNhaplaiMK Password
Textbox	ID	txtKH
Textbox	ID TextMode	txtNgaySinh Date
RadioButton	ID	radNam
RadioButton	ID	radNu
Textbox	ID	txtEmail
Textbox	ID	txtThuNhap
Button	ID Text	btnDangky Đăng ký
Label	ID	lblThongBao

Trong ví dụ này ta thực hiện kiểm tra việc nhập dữ liệu trên trang ASP bằng cách sử dụng các controls kiểm tra sự hợp thức của dữ liệu.

Validation controls	Thuộc tính	Giá trị
RequireField	ID ControlToValidate ErrorMessage	rf_TenDN txtTenDN Tên đăng nhập không được rỗng
RequireField	ID ControlToValidate ErrorMessage	rf_MK txtMK Mật khẩu không được rỗng
RequireField	ID ControlToValidate	rf_Nhaplai txtNhaplaiMK

	Display ErrorMessage	Dynamic Nhập lại mật khẩu không được rỗng
Compare	ID ControlToValidate ControlToCompare ErrorMessage	cv_Nhaplai txtNhaplaiMK txtMK Mật khẩu nhập lại chưa đúng
RequireField	ID ControlToValidate ErrorMessage	rf_KH txtKH Họ tên khách hàng không được rỗng
Compare	ID ControlToValidate Operator Type ErrorMessage	cv_Ngaysinh txtNgaySinh DataTypeCheck Date Ngày sinh không hợp lệ
RegularExpression	ID ControlToValidate ValidationExpression ErrorMessage	revEmail txtEmail Internet Email Email không hợp lệ
RangeValidator	ID ControlToValidate MaximumValue MinimumValue ErrorMessage	rvThuNhap txtThuNhap 50000000 1000000 Thu nhập từ 1 triệu đến 50 triệu
Validation Summary	ID HeaderText	vsTonghop Danh sách các lỗi

Thuộc tính Text của các controls này đều là (*)

Xử lý sự kiện Click của button Đăng ký:

```
protected void btnDangky_Click(object sender, EventArgs e)
{
    lblThongBao.Text = "Đăng ký thành công";
}
```

Lưu dự án, thực thi và kiểm tra kết quả thực thi chương trình.

Bài 2: Tạo CSDL QLKhachHang, trong CSDL này, tạo bảng KhachHang để lưu các thông tin khách hàng ở hình 9.4 vào. Sửa lại sự kiện btnDangKy_Click để lưu dữ liệu vào CSDL.

Gợi ý:

- Thêm một lớp để mở và đóng kết nối đến CSDL (như lớp clsDatabase của Lab 6).
- Sử dụng đối tượng của lớp SqlCommand để cập nhật dữ liệu (xem lại Lab 6)

Bài 3: Thay vì ràng buộc giá trị trên những ô nhập như hình 9.4, hãy thiết lập những constraints thích hợp ở bảng KhachHang của CSDL QLKhachHang để hiện thực những ràng buộc trên ở mức CSDL.

Với 2 phương pháp ràng buộc như trên: mức ứng dụng (như hình 9.4) và mức CSDL, phương pháp nào là thuận tiện hơn đối với người lập trình? Tương tự như vậy, phương pháp nào thuận tiện hơn đối với người sử dụng?